

Bản án số: **30/2020/HS-ST**
Ngày 22-4-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Long Thị Tuyết Mai.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Thanh Nghệ.
2. Ông Nguyễn Văn Vân.

- Thư ký phiên toà: Bà Ma Thị Vân Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 32/2020/TLST- HS ngày 17 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2020/QĐXXST-HS, ngày 27/3/2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn H, sinh ngày 10 tháng 11 năm 1980 tại huyện S, tỉnh Tuyên Quang; nơi cư trú: Thôn P, xã C, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 7/12; nghề nghiệp: Làm ruộng; con ông: Nguyễn Văn T (đã chết) và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1958; có vợ Nguyễn Thị N, sinh năm 1982; con: có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Bản án số 43/HSST ngày 15/9/2003 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương xử phạt Nguyễn Văn H 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, phải nộp 100.000đồng tiền án phí hình sự và dân sự sơ thẩm. Ngày 27/01/2005 chấp hành xong toàn bộ bản án.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Hoàng Văn N, sinh năm 1983, trú tại: xóm Q, xã Y, huyện Đ, tỉnh Thái

Nguyên (vắng mặt).

2. Nguyễn Thị N, sinh năm 1982, trú tại: Thôn P, xã C, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (có mặt).

3. Nguyễn Thị M, sinh năm 1958, trú tại: Thôn P, xã C, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 10 giờ 20 phút ngày 28/12/2019 tại thôn Đ, xã H, huyện S, Tổ công tác Công an huyện Sơn Dương lập biên bản vi phạm hành chính đối với Nguyễn Văn H, sinh ngày 10/11/1980, trú tại thôn Thôn P, xã C, huyện S, tỉnh Tuyên Quang về hành vi tàng trữ hàng cấm. Tang vật thu giữ: 03 khối hộp hình chữ nhật, mỗi khối hộp có kích thước là (13,5x13,5x15) cm, vỏ bọc giấy màu đỏ, vàng có in chữ nước ngoài; 01 cuộn tròn có đường kính 25,5 cm, cao 6,5 cm, bên trong có nhiều vật hình trụ được liên kết với nhau; 01 xe mô tô Wave, nhãn hiệu Honda, Biển kiểm soát 22S1-312.24; 01 điện thoại di động Sam Sung màu đen, 01 giấy chứng minh thư nhân dân số 070836141, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 019572; 01 ví giả da màu nâu và số tiền 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*).

Tại Cơ quan Nguyễn Văn H khai nhận:

Khoảng 08 giờ 00 phút, ngày 28/12/2019, Nguyễn Văn H đang ở nhà thì nhận được điện thoại của Hoàng Văn N, sinh năm 1983, trú tại xóm Q, xã Y, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên (anh em rể với H) rủ sang nhà N để N cho pháo lấy về đốt chơi vào dịp tết.

Sau đó, H điều khiển xe mô tô Wave, nhãn hiệu Honda, biển kiểm soát 22S1-312.24 (xe của vợ H là chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1982, trú tại thôn P, xã C, huyện S) sang nhà N lấy pháo. Khi đến nơi, N đưa cho H 01 hộp bìa cát tông, bên trong có 03 hộp pháo (loại 36 quả) và 01 cuộn pháo hình tròn (loại pháo bánh), H đặt số pháo trên lên giá để hàng phía trước của xe mô tô rồi điều khiển đi về. Khi đến thôn Đ, xã H, huyện S thì gặp Tổ công tác Công an huyện S phát hiện lập biên bản vi phạm hành chính và thu giữ toàn bộ số pháo.

Sau khi lập biên bản, H tự giác giao nộp cho Tổ công tác 01 hộp pháo (loại 49 quả) do H cất giấu tại nhà. H khai nhận số pháo này do một người đàn ông (không nhớ tên, tuổi địa chỉ) cho Hậu vào năm 2018 khi Hậu đang đi làm thuê tại thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Sau đó, H mang về cất giấu tại nhà ở mục đích đốt vào dịp tết nguyên đán năm 2018 nhưng chưa kịp đốt.

- Tại kết luận giám định số 69/GĐKTHS ngày 02/01/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, kết luận:

+ 04 khối hộp gửi giám định là pháo, có đầy đủ đặc tính của pháo nổ (có chứa thuốc pháo và khi đốt có gây tiếng nổ). Khối lượng 5,8 kg (Năm phẩy tám kilogam).

+ 01 cuộn tròn gửi giám định là pháo nổ, khi đốt có gây tiếng nổ. Khối lượng 1,3 kg (Một phẩy ba kilogam).

Tổng khối lượng là 7,1 kg (Bảy phẩy một kilogam).

Tại bản cáo trạng số 33/CT-VKSSD, ngày 16/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn H về tội “Tàng trữ hàng cấm” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 191 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã nêu và phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ mức án cho bị cáo.

Kết thúc phân xét hỏi, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương luận tội và tranh luận, giữ nguyên quyết định truy tố về tội danh, điều luật đã nêu trong bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “*Tàng trữ hàng cấm*”.

- Áp dụng: điểm c khoản 1 Điều 191; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 06 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử lý vật chứng, buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với luận tội của Viện kiểm sát, đề nghị HĐXX xử bị cáo mức án nhẹ nhất.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị N không có ý kiến tranh luận gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung của vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về việc xem xét hành vi của bị cáo:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn H đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố. Ngoài lời khai nhận tội của bị cáo, hành vi phạm tội của bị cáo còn được chứng minh bằng toàn bộ những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy có đủ cơ sở để kết luận: Hồi 10 giờ 20 phút ngày 28/12/2019 tại thôn Đ, xã H, huyện Sg, tỉnh Tuyên Quang, Nguyễn Văn H có hành vi tàng trữ 7,1 kg (*Bảy phẩy một kilôgam*) pháo nổ, mục đích để sử dụng.

Hành vi phạm tội của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, làm mất trật tự trị an tại địa phương, vi phạm chính sách cấm mua bán, tàng trữ, vận chuyển và đốt pháo nổ của Nhà nước. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực nhận thức, biết hành vi tàng trữ pháo nổ là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn thực hiện. Hành vi của bị cáo là cố ý, thể hiện sự coi thường pháp luật. Vì vậy cần phải có mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm răn đe, giáo dục bị cáo, đồng thời phòng ngừa tội phạm chung.

[2] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về nhân nhân: Bị cáo đã từng bị Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương xét xử về tội Trộm cắp tài sản năm 2003, bị cáo chấp hành xong toàn bộ bản án năm 2005.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình, mong muốn được cải tạo tại địa phương, có xác nhận của chính quyền địa phương. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cần áp dụng khi quyết định hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã được phân tích ở trên, HĐXX xét thấy: Bị cáo Nguyễn Văn H có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú ổn định rõ ràng, không có tiền án, tiền sự. Ủy ban nhân dân xã nơi bị cáo cư trú xin cho bị cáo được cải tạo tại địa phương. Để thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước, Hội đồng xét xử xét thấy không cần buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù giam mà cho bị cáo được hưởng án treo, đồng thời ấn định thời gian thử thách và giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách như Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

[3] Về hình phạt bổ sung:

Quá trình điều tra xác định bị cáo làm ruộng, không có tài sản riêng có giá trị, gia đình có hoàn cảnh khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo quy định tại khoản 4 Điều 191 Bộ luật hình sự.

[4] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử:

Qua xem xét, nghiên cứu hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định: Quá trình điều tra và truy tố, xét xử, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và các văn bản pháp luật có liên quan. Khởi tố, điều tra, thu thập chứng cứ, truy tố đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp.

[5] Về vật chứng:

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ: 01 xe mô tô Wave, nhãn hiệu Honda, biển kiểm soát 22S1-312.24 (số máy JA39E0585646, số khung 3901HY610489) cùng 01 chìa khóa xe mô tô; 01 điện thoại di động Sam Sung màu đen (IMEI: 354B14/09/435952/4; IMEL 354815/01/43592/1; S/N: R58K41X8VQL) bên trong có 02 sim có chữ Viettel; 01 giấy chứng minh nhân dân số 070836141 (mang tên Nguyễn Văn H); 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 019572 (mang tên Nguyễn Thị N); 01 ví giả da màu nâu; số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng);

01 hộp bìa cát tông bên trong có chứa 04 (bốn) hộp pháo và 01 (một) cuộn tròn có trọng lượng là 6,5kg.

Đối với 01 hộp bìa cát tông bên trong có chứa 04 (bốn) hộp pháo và 01 (một) cuộn tròn có trọng lượng là 6,5kg là vật chứng của vụ án thuộc loại Nhà nước cấm lưu hành cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 xe mô tô Wave, nhãn hiệu Honda, Biển kiểm soát 22S1-312.24 cùng 01 chìa khóa xe mô tô; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 019572 là tài sản và giấy tờ liên quan đến xe mô tô của vợ bị cáo là chị Nguyễn Thị N, cần tuyên trả lại cho chị N.

Đối với 01 điện thoại di động SamSung màu đen bên trong có 02 sim có chữ Viettel, 01 giấy chứng minh nhân dân số 070836141 (mang tên Nguyễn Văn H), 01 ví giả da màu nâu và số tiền 2.000.000đồng là tài sản và giấy tờ nhân thân của bị cáo, không sử dụng vào việc phạm tội, cần tuyên trả lại cho bị cáo.

[6] Về án phí và quyền kháng cáo bản án: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[7] Các vấn đề khác:

Đối với Hoàng Văn N và đối tượng do bị cáo khai nhận đã cho pháo để bị cáo sử dụng do không đủ căn cứ, cơ sở để xác định nên không xem xét, xử lý.

Đối với bà Nguyễn Thị M là mẹ đẻ của bị cáo và chị Nguyễn Thị N là vợ bị cáo không biết việc bị cáo cất giấu pháo nổ tại gia đình, cơ quan điều tra không xem xét, xử lý. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: điểm c khoản 1 Điều 191; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội *“Tàng trữ hàng cấm”*.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn H **07 (bảy) tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 14 (mười bốn) tháng**. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 22/4/2020).

Giao bị cáo Nguyễn Văn H cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện S, tỉnh Tuyên Quang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

“Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”

(Trong trường hợp bị cáo Nguyễn Văn H thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự).

2. Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Tịch thu tiêu hủy: 01 hộp bìa cát tông bên trong có chứa 04 (bốn) hộp pháo và 01 (một) cuộn tròn có trọng lượng là 6,5kg.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn H: 01 điện thoại di động SamSung màu đen (IMEI: 354B14/09/435952/4; IMEL 354815/01/43592/1; S/N: R58K41X8VQL) bên trong có 02 sim có chữ Viettel; 01 giấy chứng minh nhân dân số 070836141 (mang tên Nguyễn Văn H); 01 ví giả da màu nâu đã qua sử dụng và số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

- Trả lại cho chị Nguyễn Thị N: 01 xe mô tô Wave, nhãn hiệu Honda, biển kiểm soát 22S1-312.24, màu sơn xanh đen, bạc, xe cũ đã qua sử dụng (số máy JA39E0585646, số khung 3901HY610489) cùng 01 chìa khóa xe mô tô; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 019572 (mang tên Nguyễn Thị N).

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 18/03/2020 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện S và Chi cục Thi hành án dân sự huyện S).

(Số tiền 2.000.000đồng hiện đang trong tài khoản số 3949.0.1064844.00000 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S mở tại Kho bạc Nhà nước huyện Sơn Dương)

3. Căn cứ các Điều 136, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện S;
- Công an huyện S;
- Chi cục THADS huyện S;
- UBND xã C;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Long Thị Tuyết Mai

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Hoàng Thanh Nghệ - Nguyễn Văn Vân

Long Thị Tuyết Mai

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Hoàng Văn Hùng – Phạm Văn Vượng

Long Thị Tuyết Mai